TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 164/2022/HNGĐ - ST
Ngày 14-9-2022
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật; Ông Trần Thanh Việt

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 408/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quang Thanh Trúc M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 271, đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Thái Thị Diễm T, sinh năm 1980 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV TNH và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

2. Bị đơn : Ông Nguyễn Quách N, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số X, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số Y, đường L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và quá trình xét xử, nguyên đơn Quang Thanh Trúc M trình bày:

Năm 2011, bà M và ông N quen biết, tìm hiểu và tự N tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 16/6/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, không chung sống cùng nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi thường xuyên nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng. Do đó, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Về quan hệ con chung: Không. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn Nguyễn Quách N vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, nhưng có gửi văn bản ngày 22/8/2022 thể hiện: Ông N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 16/6/2011 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được bị đơn đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bị đơn đồng ý ly hôn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quang Thanh Trúc M với bị đơn Nguyễn Quách N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quang Thanh Trúc M được ly hôn với ông Nguyễn Quách N. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Quang Thanh Trúc M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001489 ngày 08/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L;
- VKSND Thành phố L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M, Thành phố L;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam